

## PHẦN THỨ TƯ

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2019

#### 1. Sản lượng điện

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Nhà máy điện Cà Mau 1&2	Triệu kWh	7.040,7
2	Nhà máy điện Nhơn Trạch 1	Triệu kWh	2.950,0
4	Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	Triệu kWh	4.650,0
3	Nhà máy điện Vũng Áng 1	Triệu kWh	5.769,0
5	Nhà máy điện Hòa Na	Triệu kWh	650,6
6	Nhà máy điện Nậm Cát	Triệu kWh	14,7
7	Nhà máy điện Đakdrinh	Triệu kWh	525,0
	<b>Tổng</b>		<b>21.600</b>

#### 2. Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	32.769,5
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	30.269,3
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.500,2
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.275,2
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	1.304,5

#### 3. Kế hoạch của Công ty Mẹ

##### a- Kế hoạch tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	25.435,2
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>23.418,7</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	23.125,9
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.086,0
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.897,1
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	7%

6	Hệ số nợ/VCSH	lần	0,5
7	Tỷ lệ chia cổ tức (bằng cổ phiếu)	%	6%
8	Trích các quỹ	Tỷ đồng	474,8
9	Nộp NSNN	Tỷ đồng	761,6

**b- Kế hoạch mua sắm, đầu tư**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	486,1
a	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	255,0
b	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	93,9
c	Góp vốn vào đơn vị thành viên	Tỷ đồng	137,3
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	486,1
a	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	486,1
b	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-